

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			10	11	12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2044	783	639	622
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		98.08	99.69	98.87
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		1.92	0.31	1.13
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1886	645	630	611
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.1	28.4	37.4	24.9
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	59	58.2	53.8	65.1
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	10.7	13	8.76	9.81
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.14	0.38	0	0.16
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2044	783	639	622
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99	99.62	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	30.1	28.4	37.4	24.9
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	59	58.2	53.8	65.1
2	Thi lại: (tỷ lệ so với tổng số)	0.14	0.38	0	0
3	Lưu ban: (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi:	8/18	0/2	2/3	1/0
5	Bị đuổi học: (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học): (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	45	0	23	32
1	Cấp tỉnh/thành phố	45	0	23	32
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	622
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				622
VII	Số học sinh học sinh đạt điểm sàn đỗ Đại học (tỷ lệ % so với tổng số)				95
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	987/1055	391/391	326/312	270/352
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	42	22	8	12

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Trí